

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH G

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23-6-2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp  
nuôi con chung”

1  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoài Thơ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Chín;
2. Ông Lê Văn Do.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Văn Thạch – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2022/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2022/QĐST- HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1988. Nơi ĐKKHKT: Thôn 6, xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G. Địa chỉ: Thôn Bình Đáng, xã Bình Hòa, huyện Thuận An, tỉnh D. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn 6, xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 02 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn P tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã IaBăng, huyện Đ, tỉnh G vào ngày 16/3/2006. Sau khi kết hôn, chị và anh P sống chung tại Thôn 6, xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G đến tháng 11 năm 2017 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn,

nguyên nhân mâu thuẫn vì chị và anh P thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát nhau, anh P không tôn trọng chị và thường xuyên dùng lời nói xúc phạm chị, từ đó chị và anh P đã sống ly thân cho đến nay. Nay chị không còn tình cảm với anh P nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn P có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Thuận, sinh ngày 01/7/2008 và Nguyễn Thị Ngọc Diễm, sinh ngày 06/01/2011. 02 con chung đang ở với anh Nguyễn Văn P vì vậy đề ổn định cuộc sống của các con chị giao hai con cho anh P tiếp tục nuôi.

Vì thu nhập của chị không ổn định, chị không cấp dưỡng nuôi 02 con cùng anh P.

Về tài sản chung và nợ chung: chị và anh P đã tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với bị đơn anh Nguyễn Văn P. Tuy nhiên, anh Nguyễn Văn P không đến Tòa án để cung cấp chứng cứ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do vậy, anh Nguyễn Văn P không có lời khai tại hồ sơ vụ án.

*Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến::*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn P đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì chị Lê Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Nguyễn Văn P. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng Dân sự thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn là anh Nguyễn Văn P có nơi cư trú tại huyện Đ, tỉnh G. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G có thẩm quyền thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn anh Nguyễn Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để

tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan, nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G vào ngày 16/3/2006 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp. Theo chị Lê Thị H trình bày trong thời gian chung sống đến tháng 11 năm 2017 xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vì chị H và anh P thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, xô xát lẫn nhau, và đã sống ly thân cho đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

[3] Xét nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn P là do tính cách hai vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra bất đồng cãi vã, xô xát lẫn nhau. Hơn nữa, khi mâu thuẫn, bất đồng xảy ra chị H và anh P đã ly thân từ tháng 11 năm 2017 cho đến nay thì không bên nào đưa ra được biện pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng, làm cơ sở cho việc đoàn tụ. Tòa án cũng đã triệu tập anh P để tiến hành hòa giải cho hai vợ chồng đoàn tụ với nhau và để giải quyết vụ án nhưng anh P không đến Tòa án để tham phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Như vậy, anh P đã không còn yêu thương đối với chị H và không quan tâm đến tình cảm vợ chồng cũng như việc xây dựng, hàn gắn tổ ấm gia đình.

Tại biên bản xác minh ngày 01/4/2022 tại Thôn 6, xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G thể hiện: *Địa phương không biết nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H và anh P. Chị H không sống tại địa phương từ năm 2017 đến nay.*

Từ nhận định trên thấy rằng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn P có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Thuận, sinh ngày 01/7/2008 và Nguyễn Thị Ngọc Diễm, sinh ngày 06/01/2011. Ly hôn chị H giao 02 con chung cho anh P nuôi dưỡng vì từ khi sống ly thân từ tháng 11/2017 đến nay 02 con chung sống cùng với anh P. Chị H đang làm công nhân tại tỉnh Bình Dương không có nơi cư trú ổn định để chăm sóc 02 con.

Xét, con chung Nguyễn Ngọc Thuận và Nguyễn Thị Ngọc Diễm sống cùng với anh P tại Thôn 6, xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G ổn định cho đến nay. Anh P không đến Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu nuôi con chung đối với chị H. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai 02 con chung tại nhà anh P, nhưng anh P không hợp tác và không đồng ý cho 02 con chung cung cấp lời khai cho Tòa án về nguyện vọng của các con được sống với ai. Vì vậy không có lời khai của con

chung tại hồ sơ vụ án.

Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị H phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp đến phát triển ổn định của 02 con chung Nguyễn Ngọc Thuận và Nguyễn Thị Ngọc Diễm, nên giao 02 con chung Nguyễn Ngọc Thuận và Nguyễn Thị Ngọc Diễm cho anh P tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung Nguyễn Ngọc Thuận và Nguyễn Thị Ngọc Diễm đủ 18 tuổi có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân mình.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị H không cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh P. Anh P không có ý kiến tại hồ sơ về việc yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị Lê Thị H không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị H là nguyên đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 144, 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5, khoản 6 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**Tuyên Xử:**

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H đối với anh Nguyễn Văn P.

1. Cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn P.

2. Giao con chung Nguyễn Ngọc Thuận, sinh ngày 01/7/2008 và Nguyễn Thị Ngọc Diễm, sinh ngày 06/01/2011 cho anh Nguyễn Văn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung Nguyễn Ngọc Thuận và Nguyễn Thị Ngọc Diễm đủ 18 tuổi có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân mình.

*Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.*

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.*

*Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì*

*người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.*

*Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.*

3. Chị Lê Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Ngọc Thuận, sinh ngày 01/7/2008 và Nguyễn Thị Ngọc Diễm, sinh ngày 06/01/2011 cùng anh Nguyễn Văn P.

4. Án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0009501 ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn chị Lê Thị H có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử Pc thẩm. Bị đơn anh Nguyễn Văn P vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**

- Toà án nhân dân tỉnh G;
  - VKSND huyện Đ;
  - Chi cục THADS huyện Đ;
  - Các đương sự;
  - Ủy ban nhân dân xã Ia Băng, huyện Đ,
- tỉnh G số 09 vào ngày 16/3/2006;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hoài Thơ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

